TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2022
V/v: *"Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sáu.
2. Bà Phạm Thị Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1982.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.
Đồng cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.
Chị P có mặt; anh T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2022 và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị P tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn T được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2001. Qúa trình chung sống đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T cho rằng tôi ngoại tình với người đàn ông khác, anh T không lo làm ăn về nhà đánh đập tôi nhiều lần gây thương tích ở vùng tay, chân. Từ tháng 9/2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hiện tại tôi không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu xin được ly hôn với anh T

- Về con chung: Có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002 (đã có gia đình), Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 26/10/2005, Nguyễn Bích T1, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Trung V, sinh ngày 16/11/2013. Con Nguyễn Thị Diễm M đã trưởng thành và có gia đình, tôi không yêu cầu gì. Riêng các con N, T1 lâu nay do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu V lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu N nếu cháu N có nguyện vọng muốn ở với tôi thì tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, ngược lại cháu N có nguyện vọng muốn ở với anh T thì tôi cũng chấp nhận để cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận có tạo lập được các tài sản chung gồm: 01 sợi dây chuyền vàng tay 3,2 chỉ; 01 đôi công vàng tay 2,5 chỉ; 02 chiếc nhẫn vàng tay 6 phân, tổng cộng: 6 chỉ, 03 phân (vàng tay). Về toàn bộ tài sản này thời điểm tôi đi Đà L chơi đã bán và tiêu xài cá nhân hết, tôi không hỏi ý kiến của anh T. Do vậy về tài sản trên, tôi sẽ có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Trèo 50% giá trị về tài sản chung.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2022 và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2022 anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, kết hôn như chị P trình bày và yêu cầu là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó tôi bức xúc có lần đánh đập chị P, bản thân tôi sẽ từ bỏ những lỗi lầm vẫn còn thương vợ và các con. Do đó tôi muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy các con cho tốt.

- Về con chung: Có 04 con chung tên là: Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002 (đã có gia đình), Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 26/10/2005, Nguyễn Bích T1, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Trung V, sinh ngày 16/11/2013. Con M đã trưởng thành và đã có gia đình nên tôi không yêu cầu gì; Riêng con Nguyễn Thị Kim N lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, còn các con T1 và V lâu nay do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con N, T1 và V, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận vợ chồng tôi có tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 sợi dây chuyền vàng tay 3,2 chỉ; 01 đôi công vàng tay 2,5 chỉ; 02 chiếc nhẫn vàng tay 6 phân, tổng cộng: 6 chỉ, 03 phân (vàng tay), về toàn bộ tài sản trên trước đây do chị P quản lý. Do vậy, nay tôi yêu cầu chia đôi tài sản trên, tôi yêu cầu chị P thanh toán lại cho tôi 50% giá trị. Ngoài ra tôi không yêu cầu chia tài sản nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Bích T1, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Trung V, sinh ngày 16/11/2013 cho chị P trực tiếp nuôi

dưỡng, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét; Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 26/10/2005 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét; Riêng cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002 (đã có gia đình), các bên đương sự không yêu cầu gì, nên đề ghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P tự nguyện thanh toán 50% giá trị chia tài sản chung cho anh T là 03 chỉ 1,5 phân (vàng tay) nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị P khởi kiện anh Nguyễn Văn T về việc: " Xin ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T vắng mặt có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị P cho rằng anh T nghi ngờ chị P ngoại tình với người đàn ông khác, về nhà đánh đập chị P gây thương tích ở vùng tay, chân và sống ly thân từ tháng 9/2022, hiện tại chị P không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu xin được ly hôn với anh T; Tại biên bản hòa giải và tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh T thừa nhận có bức xúc và có lần đánh đập chị P, hiện tại vẫn còn tình cảm với chị P và muốn đoàn tụ gia đình để chung sống hạnh phúc.

HĐXX nhận định: Qúa trình chung sống chị P và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập chị P và sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T muốn đoàn tụ nhưng không có ý thức hàn gắn tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 04 con chung tên là: Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002 (đã có gia đình), Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 26/10/2005, Nguyễn Bích T1, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Trung V, sinh ngày 16/11/2013. Các cháu N, T1 lâu nay do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; còn cháu V lâu nay do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị P yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T1 và V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Tại biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con N, T1 và V, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. HĐXX tại bản tự khai của các cháu T1 và V đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ (Lê Thị P) và bản tự khai của cháu N có

nguyện vọng xin được ở với cha (Nguyễn Văn T). Do đó để đảm bảo về tâm sinh lý cũng như nguyện vọng của các cháu, cần giao các cháu T1 và V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Chị P và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét; Riêng cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002 (đã có gia đình), các bên đương sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Qúa trình giải quyết các bên đương sự đều khẳng định quá trình hôn nhân vẫn còn tồn tại, chị P và anh T có tạo lập được 6 chỉ, 03 phân (vàng tay), do chị P quản lý nên cần xác định đây là tài sản chung của chị P và anh T. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ thanh toán lại 50% giá trị (03 chỉ 1,5 phân vàng tày); Tại phiên tòa, chị P cho rằng số vàng 6 chỉ, 03 phân (vàng tay) nêu trên trước đây chị đi Đà L chơi và tự ý tiêu xài cá nhân hết, có hỏi ý kiến anh T, chị P tự nguyện thanh toán giá trị chênh lệch 50% về tài sản chung cho anh T là 03 chỉ 1,5 phân (vàng tay). Xét việc chị P thanh toán 50% giá trị chia tài sản chung cho anh T là 03 chỉ 1,5 phân (vàng tay) là hoàn tự nguyện nên HĐXX ghi nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải chịu án phí DSST về phần tài sản chung được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Bích T1, sinh ngày 05/8/2009 hiện nay đang ở với anh Nguyễn Văn Trèo. Buộc anh Trèo có nghĩa vụ giao cháu T1 cho chị Lê Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Lê Thị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trung V, sinh ngày 16/11/2013. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung;

Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 26/10/2005, chị P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P và anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị P về việc thanh toán giá trị chênh lệch 50% phần tài sản chung cho anh T là 03 chỉ 1,5 phân (vàng tay).

(Giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.760.000 đồng/ chỉ)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị P phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 05660 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 592.000 đồng án phí DSST, nhưng được khấu trừ số tiền 592.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 05712 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình